

THÔNG TƯ

Quy định về nội dung, quy trình sát hạch cấp giấy phép lái tàu trên đường sắt đô thị

Căn cứ Luật Đường sắt ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Nghị định 14/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường sắt;

Căn cứ Nghị định số 107/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Đường sắt Việt Nam và Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ,

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư quy định về nội dung, quy trình sát hạch cấp giấy phép lái tàu trên đường sắt đô thị.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về nội dung, quy trình sát hạch cấp giấy phép lái tàu trên đường sắt đô thị.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc sát hạch cấp giấy phép lái tàu trên đường sắt đô thị.

Điều 3. Nội dung sát hạch cấp giấy phép lái tàu

Các nội dung sát hạch:

1. Sát hạch lý thuyết;
2. Sát hạch thực hành, gồm:
 - a) Sát hạch kiểm tra kỹ thuật trước khi vận hành, xử lý sự cố và tình huống khẩn cấp;
 - b) Sát hạch kỹ năng lái tàu.

Chương II

SÁT HẠCH LÝ THUYẾT

Điều 4. Nội dung sát hạch lý thuyết

1. Phần kiến thức chung liên quan đến hệ thống đường sắt đô thị, bao gồm:

- a) Quy chuẩn kỹ thuật;
- b) Quy tắc vận hành;
- c) Công tác an toàn;
- d) Lý thuyết lái tàu;
- đ) Tín hiệu và tuyến đường;

e) Luật Đường sắt và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Đường sắt có liên quan.

2. Phần kiến thức chuyên môn, bao gồm:

a) Cấu tạo, nguyên lý hoạt động của đầu máy toa xe, đoàn tàu đường sắt đô thị;

b) Cấu tạo, nguyên lý hoạt động hệ thống điện, hệ thống điều khiển, hệ thống an toàn phục vụ cho việc vận hành tàu đường sắt đô thị.

Điều 5. Hình thức sát hạch lý thuyết

Sát hạch lý thuyết thực hiện theo một trong hai hình thức sau đây:

1. Thi tự luận.
2. Thi trắc nghiệm.

Điều 6. Bài thi tự luận

1. Thời gian làm bài: tối đa 150 phút.

2. Số lượng câu hỏi:

- a) Phần kiến thức chung: 04 câu;
- b) Phần kiến thức chuyên môn: 02 câu.

3. Thang điểm: điểm tối đa là 10 điểm và được quy định như sau:

- a) Mỗi một câu hỏi phần kiến thức chung tối đa 1,5 điểm;
- b) Mỗi câu hỏi phần kiến thức chuyên môn tối đa 2,0 điểm.

4. Thí sinh được công nhận đạt yêu cầu khi đạt các yêu cầu sau:

a) Bài thi có tổng số điểm đạt tối thiểu 6,0 điểm;

b) Không câu trả lời nào có số điểm nhỏ hơn 1/2 điểm số theo quy định tại khoản 3 Điều này.

Điều 7. Bài thi trắc nghiệm

1. Thời gian làm bài: tối đa 60 phút.
2. Số lượng câu hỏi:
 - a) Phần kiến thức chung: 30 câu;
 - b) Phần kiến thức chuyên môn: 15 câu.
3. Thang điểm: điểm tối đa là 45 điểm, mỗi câu trả lời đúng được 01 điểm.
4. Thí sinh được công nhận đạt yêu cầu khi đạt các yêu cầu sau:
 - a) Bài thi có tổng số điểm đạt được tối thiểu 40 điểm;
 - b) Phần kiến thức chung đạt tối thiểu 27 điểm;
 - c) Phần kiến thức chuyên môn đạt tối thiểu 13 điểm.

Điều 8. Trừ điểm khi vi phạm trong sát hạch lý thuyết

1. Thí sinh vi phạm quy chế của kỳ sát hạch sẽ bị lập biên bản.
2. Thí sinh bị lập biên bản 01 lần sẽ bị trừ điểm như sau:
 - a) Trừ 25% tổng số điểm của bài làm đối với hình thức thi tự luận;
 - b) Trừ 10% tổng số điểm của bài làm đối với hình thức thi trắc nghiệm.

Chương III

SÁT HẠCH THỰC HÀNH

Điều 9. Phương tiện, địa điểm sát hạch thực hành

1. Phương tiện dùng để sát hạch thực hành phải có tình trạng kỹ thuật tốt, bảo đảm các điều kiện lưu hành theo quy định.
2. Địa điểm tổ chức sát hạch thực hành: Xưởng kiểm tra tàu (depot), tuyến đường thử tàu, tuyến chính.

Điều 10. Nội dung sát hạch thực hành kiểm tra kỹ thuật trước khi vận hành, xử lý sự cố và tình huống khẩn cấp

1. Tổ sát hạch tạo ra sự cố kỹ thuật (đánh “pan”) ở các bộ phận của phương tiện theo nội dung của đề thi, bao gồm:
 - a) Đánh 03 “pan” ở bộ phận chạy, thiết bị phanh hãm tự động, hệ thống điện, thiết bị bảo vệ đoàn tàu, thiết bị dừng tàu tự động ở trạng thái nguội (trước khi khởi động);
 - b) Đánh 02 “pan” ở bộ phận chạy, thiết bị phanh hãm tự động, hệ thống điện, thiết bị bảo vệ đoàn tàu, thiết bị dừng tàu tự động ở trạng thái nóng (khi đã khởi động).

2. Trong thời gian sát hạch theo quy định tại đề thi, thí sinh phải thực hiện việc kiểm tra, phát hiện và xử lý các “pan” theo nội dung yêu cầu.

3. Tổ sát hạch chọn 01 tình huống khẩn cấp giả định trong quá trình chạy tàu, yêu cầu thí sinh phải thực hiện các biện pháp xử lý tình huống khẩn cấp theo quy định.

Điều 11. Điểm thực hành kiểm tra kỹ thuật trước khi vận hành, xử lý sự cố và tình huống khẩn cấp

Điểm thực hành kiểm tra kỹ thuật trước khi vận hành, xử lý các “pan” và tình huống khẩn cấp tối đa là 100 điểm và được quy định như sau:

1. Đảm bảo đúng thời gian và quy trình kiểm tra: tối đa 25 điểm.
2. Mỗi “pan” được phát hiện và xử lý đúng: tối đa 10 điểm.
3. Xử lý tình huống khẩn cấp: tối đa 25 điểm.
4. Thời gian kiểm tra kỹ thuật trước khi vận hành, xử lý sự cố và tình huống khẩn cấp căn cứ vào từng loại tàu và tuyến đường do doanh nghiệp quản lý, khai thác vận hành đường sắt đô thị quy định cụ thể.

Điều 12. Trừ điểm khi vi phạm trong thực hành kiểm tra kỹ thuật trước khi vận hành, xử lý sự cố và tình huống khẩn cấp

Thí sinh bị trừ điểm trong các trường hợp sau đây:

1. Quá thời gian quy định trong vòng 10 phút: mỗi phút trừ 01 điểm; nếu quá 10 phút thì dừng sát hạch.
2. Không thực hiện đúng quy trình tác nghiệp theo quy định: trừ 03 điểm.
3. Để xảy ra tai nạn lao động chưa đến mức Hội đồng sát hạch phải dừng sát hạch để giải quyết: trừ 03 điểm.
4. Kiểm tra sai trình tự, sai tư thế: mỗi lần vi phạm trừ 01 điểm.
5. Kiểm tra thiếu chi tiết hoặc bộ phận: mỗi chi tiết hoặc bộ phận kiểm tra thiếu trừ 01 điểm.
6. Làm hư hỏng chi tiết chưa đến mức phải thay thế: mỗi chi tiết bị làm hư hỏng trừ 03 điểm.
7. Đưa ra biện pháp xử lý hoặc nội dung liên lạc sai khi xử lý tình huống khẩn cấp: mỗi lần trừ 03 điểm.

Điều 13. Điều kiện để công nhận đạt yêu cầu thực hành kiểm tra kỹ thuật trước khi vận hành, xử lý sự cố và tình huống khẩn cấp

Thí sinh được công nhận đạt yêu cầu khi đáp ứng các điều kiện sau:

1. Đạt tối thiểu 60 điểm.
2. Phát hiện và xử lý đúng ít nhất 03 “pan”, trong đó có ít nhất 01 “pan” ở trạng thái nóng.

Điều 14. Phiếu đánh giá kết quả sát hạch thực hành kiểm tra kỹ thuật trước khi vận hành, xử lý sự cố và tình huống khẩn cấp

Kết quả sát hạch thực hành kiểm tra kỹ thuật trước khi vận hành, xử lý sự cố và tình huống khẩn cấp được thể hiện trên Phiếu đánh giá kết quả thực hành kiểm tra kỹ thuật trước khi vận hành, xử lý sự cố và tình huống khẩn cấp theo mẫu quy định tại Phụ lục 1 của Thông tư này.

Điều 15. Nội dung sát hạch thực hành kỹ năng lái tàu

1. Quãng đường và thời gian sát hạch kỹ năng lái tàu:

a) Thí sinh lái tàu chạy ít nhất từ 11 khu gian liên tiếp, theo đúng thời gian quy định của biểu đồ chạy tàu, đúng tốc độ quy định trong công lệnh tốc độ và cảnh báo hiện hành, trong đó khu gian đầu là khu gian chạy thử, các khu gian sau dùng để đánh giá kết quả thực hành kỹ năng lái tàu;

b) Đối với tuyến đường và tàu được trang bị thiết bị điều khiển chạy tàu tự động, tại khu gian đầu tiên, thiết bị điều khiển chạy tàu tự động để ở vị trí mở (ON); tại các khu gian còn lại, thiết bị điều khiển chạy tàu tự động để ở vị trí tắt (OFF).

2. Các tiêu chí để đánh giá khi sát hạch thực hành kỹ năng lái tàu:

a) Công tác chuẩn bị, báo cáo, hô đáp và xác nhận tín hiệu: thí sinh phải kiểm tra sự đầy đủ của các dụng cụ, giấy tờ cần thiết và báo cáo, hô đáp xác nhận tín hiệu theo quy định;

b) Kỹ năng đo khoảng cách bằng mắt: tiến hành đo cự ly bằng mắt ở cự ly trung bình (từ 100 ÷ 300 m) và cự ly dài (từ 301 ÷ 600 m), mỗi cự ly 01 lần. Nội dung này được thực hiện trên tuyến thử tàu tại depot;

c) Kỹ năng dừng tàu: thí sinh phải dừng tàu 10 lần. Vị trí dừng tàu được xác định bằng mốc dừng tàu chuẩn đã được quy định trong đề sát hạch. Vị trí dừng tàu được xê dịch trong khoảng cho phép là $\pm 1,0$ m;

d) Kỹ năng lái tàu: thí sinh phải thực hiện đầy đủ các yêu cầu kỹ thuật theo quy định, lái tàu chạy đúng thời gian quy định trong biểu đồ chạy tàu, đúng tốc độ quy định và cảnh báo hiện hành;

đ) Kỹ năng điều khiển thiết bị phanh hãm tự động: thí sinh phải thực hiện đầy đủ các yêu cầu kỹ thuật theo quy định, dừng tàu êm dịu.

3. Điểm thực hành lái tàu được quy định tối đa là 100 điểm cho mỗi nội dung quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản 2 Điều này.

Điều 16. Trừ điểm khi vi phạm trong sát hạch thực hành kỹ năng lái tàu

Thí sinh bị trừ điểm trong các trường hợp sau:

1. Công tác chuẩn bị, báo cáo, hô đáp và xác nhận tín hiệu:

a) Công tác chuẩn bị: sau khi kiểm tra vẫn để thiếu dụng cụ hoặc các loại giấy tờ cần thiết phục vụ chạy tàu, mỗi loại thiếu trừ 01 điểm;

b) Báo cáo, hô đáp và xác nhận tín hiệu: yêu cầu hô đáp đúng quy định của quy tắc vận hành tàu đường sắt đô thị, mỗi lần không thực hiện trừ 05 điểm. Trường hợp không xác nhận tín hiệu thì dừng sát hạch.

2. Kỹ năng đo khoảng cách bằng mắt: sai số giữa cự ly đo bằng mắt và cự ly thật nhỏ hơn hoặc bằng 10 m không trừ điểm. Đối với cự ly trung bình, cứ mỗi 10 m vượt quá sai số cho phép trừ 05 điểm. Đối với cự ly dài, cứ mỗi 10 m vượt quá sai số cho phép trừ 03 điểm.

3. Kỹ năng dừng tàu:

a) Dừng trong khoảng cho phép quy định tại điểm c khoản 2 Điều 15 Thông tư này không bị trừ điểm;

b) Dừng tàu trước mốc dừng tàu chuẩn ngoài khoảng cho phép cứ mỗi 0,5 m trừ 03 điểm;

c) Dừng tàu quá mốc dừng tàu chuẩn ngoài khoảng cho phép cứ mỗi 0,5 m trừ 05 điểm;

d) Dừng tàu quá biển báo hoặc tín hiệu dừng tàu thì dừng sát hạch.

4. Kỹ năng lái tàu:

a) Thời gian chạy tàu: tàu đến ga sớm hoặc muộn so với quy định trong biểu đồ chạy tàu không quá 10 giây. Mỗi giây sớm hoặc muộn quá quy định này trừ 0,5 điểm; sớm hoặc muộn từ phút thứ hai trở đi thì dừng sát hạch;

b) Kỹ năng sử dụng tay ga: khởi động đoàn tàu không đúng quy định hoặc vi phạm quy tắc thao tác mỗi lần trừ 01 điểm;

c) Kỹ năng kiểm soát tốc độ: che đồng hồ tốc độ trong buồng lái và sử dụng máy đo tốc độ làm chuẩn thực hiện kiểm tra kỹ năng quan sát, phán đoán tốc độ của lái tàu, sai số ± 5 km/h không trừ điểm, nếu quá giới hạn quy định mỗi km/h trừ 03 điểm. Tiến hành giả định 02 vị trí giảm tốc độ và thực hiện đo tốc độ thực tế tàu chạy qua nếu thấp hơn tốc độ quy định 3 km/h không trừ điểm, nếu thấp hơn tốc độ quy định từ 3,1 km/h trở lên mỗi km/h trừ 03 điểm, nếu vượt quá tốc độ quy định mỗi km/h trừ 05 điểm. Trường hợp vượt quá tốc độ giới hạn của tuyến đường thì dừng sát hạch.

5. Kỹ năng điều khiển thiết bị phanh hãm tự động:

a) Khi tàu vào ga phải sử dụng thiết bị phanh hãm tự động để dừng tàu êm dịu, mức độ êm dịu được đo bằng máy đo rung động. Nếu dừng tàu ở mức

2 không trừ điểm, ở mức 3 trừ 03 điểm, ở mức 4 và mức 5 trừ 07 điểm; trên mức 5 trừ 15 điểm;

b) Sử dụng thiết bị phanh hãm tự động không đúng quy định mỗi lần trừ 03 điểm. Nếu sử dụng thiết bị phanh hãm tự động ở mức khẩn cấp không có lý do thì dừng sát hạch.

Điều 17. Điều kiện để công nhận sát hạch thực hành kỹ năng lái tàu đạt yêu cầu

Thí sinh được công nhận đạt yêu cầu khi đạt tối thiểu 60 điểm cho mỗi nội dung quy định tại khoản 2 Điều 15 Thông tư này.

Điều 18. Phiếu đánh giá kết quả sát hạch thực hành kỹ năng lái tàu

Kết quả sát hạch thực hành kỹ năng lái tàu được thể hiện trên Phiếu đánh giá kết quả sát hạch thực hành kỹ năng lái tàu quy định tại Phụ lục 2 của Thông tư này.

Chương IV TỔ CHỨC KỲ SÁT HẠCH

Điều 19. Tổ chức kỳ sát hạch

1. Trên cơ sở đề xuất của các đơn vị đăng ký sát hạch, Cục trưởng Cục Đường sắt Việt Nam phê duyệt kế hoạch tổ chức kỳ sát hạch, thành lập Hội đồng sát hạch và Tổ sát hạch để thực hiện theo quy định tại Thông tư này và quy định về quản lý sát hạch, cấp giấy phép lái tàu trên đường sắt.

2. Sau khi kết thúc kỳ sát hạch, căn cứ kết luận của Hội đồng sát hạch, Cục trưởng Cục Đường sắt Việt Nam ra Quyết định công nhận đạt yêu cầu và cấp giấy phép lái tàu cho các thí sinh đạt yêu cầu theo quy định.

Điều 20. Trình tự sát hạch

1. Quá trình sát hạch:

- a) Bước 1: sát hạch lý thuyết;
- b) Bước 2: sát hạch thực hành kiểm tra kỹ thuật trước khi vận hành, xử lý sự cố và tình huống khẩn cấp;
- c) Bước 3: sát hạch thực hành lái tàu;
- d) Bước 4: sát hạch thực hành lại đối với thí sinh không đạt yêu cầu theo quy định đối với một trong hai phần sát hạch thực hành ở bước 2 hoặc bước 3.

2. Thí sinh không đạt yêu cầu sát hạch lý thuyết sẽ không được bố trí sát hạch thực hành.

3. Thí sinh không đạt yêu cầu đối với một trong hai phần sát hạch thực hành ở bước 2 hoặc bước 3 được bố trí sát hạch lại 01 lần phần thực hành chưa đạt yêu cầu.

4. Thí sinh không đạt yêu cầu cả hai phần sát hạch thực hành ở bước 2 và bước 3 sẽ không được bố trí sát hạch thực hành lại.

5. Thí sinh không đạt yêu cầu sát hạch được bố trí sát hạch lại vào kỳ sát hạch sau nhưng không được bảo lưu kết quả của kỳ sát hạch trước.

Điều 21. Dừng sát hạch

1. Chủ tịch Hội đồng sát hạch ra quyết định dừng sát hạch đối với thí sinh dự sát hạch vi phạm một trong các quy định tại khoản 2 Điều này. Thí sinh bị dừng sát hạch sẽ không được tiếp tục tham gia kỳ sát hạch và không được đánh giá kết quả sát hạch.

2. Thí sinh bị dừng sát hạch trong các trường hợp sau đây:

a) Đối với sát hạch lý thuyết: vi phạm quy định bị lập biên bản đến lần thứ hai; mang tài liệu, vật dụng không được phép vào phòng thi;

b) Đối với thực hành kiểm tra kỹ thuật trước khi vận hành, xử lý sự cố và tình huống khẩn cấp: quá thời gian quy định trên 20 phút; để xảy ra tai nạn lao động đến mức Hội đồng sát hạch phải dừng sát hạch để giải quyết; làm hỏng các chi tiết máy đến mức phải bồi thường vật chất hoặc phải thay thế;

c) Đối với thực hành lái tàu: phạm lỗi đến mức bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định hiện hành đối với lái tàu; tự động cho tàu chạy vào khu gian khi chưa có tín hiệu phát xe của nhân viên điều độ chạy tàu hoặc nhân viên hỗ trợ an toàn trên tàu; tàu chưa dừng hẳn đã đổi chiều chạy; sử dụng thiết bị phanh hãm tự động với lực quá lớn gây trượt lết tàu; để tàu chết máy trên dốc; gây sự cố; dừng tàu vượt mốc tránh va chạm; không phát hiện và xử lý kịp thời tình huống phát sinh gây chết máy, dừng tàu; để xảy ra các tình huống nguy hiểm khác mà Tổ sát hạch buộc phải sử dụng các biện pháp khẩn cấp để ngăn chặn, chống xảy ra tai nạn;

d) Trong quá trình sát hạch không chấp hành lệnh của sát hạch viên hoặc có hành vi gây rối, mất trật tự đến mức bị lập biên bản.

Điều 22. Điều kiện để công nhận đạt yêu cầu kỳ sát hạch

Thí sinh được công nhận đạt yêu cầu kỳ sát hạch khi đạt yêu cầu cả hai nội dung sát hạch lý thuyết và sát hạch thực hành.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 23. Trách nhiệm của Cục Đường sắt Việt Nam

1. Tổ chức thực hiện Thông tư này.
2. Chủ trì, phối hợp với các doanh nghiệp quản lý, khai thác, vận hành đường sắt đô thị xây dựng và phê duyệt nội dung sát hạch phù hợp với từng tuyến đường, từng loại tàu đường sắt đô thị; xây dựng và phê duyệt quy chế sát hạch.
3. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng tổ chức xây dựng ngân hàng câu hỏi sát hạch; phê duyệt và triển khai thực hiện.
4. Đánh giá, tổng kết công tác sát hạch cấp giấy phép lái tàu, báo cáo Bộ Giao thông vận tải.

Điều 24. Trách nhiệm của doanh nghiệp quản lý, khai thác, vận hành đường sắt đô thị

1. Phối hợp với Cục Đường sắt Việt Nam trong việc xây dựng nội dung sát hạch phù hợp với từng tuyến đường, từng loại tàu đường sắt đô thị trong phạm vi quản lý của doanh nghiệp.
2. Tổ chức bồi dưỡng kiến thức và phổ biến nội dung Thông tư này đến cá nhân, tổ chức có liên quan đến công tác sát hạch, lái tàu trong phạm vi quản lý của doanh nghiệp.
3. Tổ chức kiểm tra nghiệp vụ đối với lái tàu trước khi chuyển sang lái tàu trên tuyến khác hoặc thay đổi loại tàu điều khiển.

Điều 25. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 10 năm 2015.
2. Bãi bỏ các quy định liên quan đến đường sắt đô thị tại Quyết định số 37/2006/QĐ-BGTVT ngày 01 tháng 11 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành “Quy định nội dung và quy trình sát hạch cấp giấy phép lái tàu trên đường sắt”.
3. Đối với lái tàu trên các tuyến đường sắt đô thị mới đưa vào vận hành có công nghệ lần đầu sử dụng tại Việt Nam, Cục Đường sắt Việt Nam tổ chức sát hạch và cấp giấy phép lái tàu sau khi các tuyến đường sắt đô thị này hoàn thành chạy thử nghiệm. Trường hợp lái tàu đã được sát hạch, cấp giấy phép lái tàu trong quá trình đào tạo chuyển giao công nghệ thì được Cục Đường sắt Việt Nam công nhận và cấp giấy phép lái tàu mà không phải tham gia kỳ sát hạch.

Điều 26. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Đường sắt Việt Nam, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 26;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, Cơ quan ngang Bộ, Cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Các Thứ trưởng Bộ GTVT;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ GTVT;
- Báo Giao thông, Tạp chí GTVT;
- Lưu: VT, TCCB (Ndt).

BỘ TRƯỞNG



Đình La Thăng

Phụ lục 1

Mẫu Phiếu đánh giá kết quả sát hạch thực hành kiểm tra kỹ thuật trước khi vận hành, xử lý sự cố và tình huống khẩn cấp

(Ban hành kèm theo Thông tư số 31/2015/TT-BGTVT ngày 17 tháng 7 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

**BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
CỤC ĐƯỜNG SẮT VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

(ĐÓNG DẤU TREO)

....., ngày tháng năm.....

PHIẾU ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ SÁT HẠCH THỰC HÀNH KIỂM TRA KỸ THUẬT TRƯỚC KHI VẬN HÀNH, XỬ LÝ SỰ CỐ VÀ TÌNH HUỐNG KHẨN CẤP

Loại tàu, tuyến đường:.....

Đề số : **Thời gian sát hạch:**

Họ và tên thí sinh :

Nơi công tác :

TT	NỘI DUNG	YÊU CẦU	LỖI VI PHẠM	ĐIỂM TRỪ	KẾT QUẢ
1	Thời gian và kỹ thuật kiểm tra (25 điểm)	1. Thời gian kiểm tra:			
		2. Thủ tục kiểm tra:			
		3. An toàn lao động:			
		4. Trình tự, tư thế kiểm tra:			
		5. Khám chi tiết hoặc bộ phận:			
		6. Hư hỏng chi tiết, bộ phận (chưa phải thay thế)			
2	Xử lý sự cố kỹ thuật ở trạng thái nguội (30 điểm)	Pan 1:			
		Pan 2:			
		Pan 3:			
3	Xử lý sự cố kỹ thuật ở trạng thái nóng (20 điểm)	Pan 1:			
		Pan 2:			
4	Xử lý tình huống khẩn cấp (25 điểm)				
5	Các lỗi bị dừng sát hạch	<i>Ghi rõ lỗi vi phạm</i>			
CỘNG					

Tổng điểm :điểm. Kết quả: Đạt Không đạt

THÍ SINH
(Ký, ghi rõ họ tên)

TỔ TRƯỞNG SÁT HẠCH
(Ký, ghi rõ họ tên)

CÁC SÁT HẠCH VIÊN
(Ký, ghi rõ họ tên)

Phụ lục 2

Mẫu Phiếu đánh giá kết quả sát hạch thực hành lái tàu

(Ban hành kèm theo Thông tư số 31/2015/TT-BGTVT ngày 17 tháng 7 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

**BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
CỤC ĐƯỜNG SẮT VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

(ĐÓNG DẤU TREO)

....., ngày tháng năm.....

PHIẾU ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ SÁT HẠCH THỰC HÀNH LÁI TÀU

Loại tàu, tuyến đường :

Họ và tên thí sinh :

Nơi công tác :

TT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Lỗi vi phạm	Điểm trừ	Kết quả
1	Công tác chuẩn bị, báo cáo, hô đáp, xác nhận tín hiệu (100 điểm)	1. Kiểm tra các loại dụng cụ			
		2. Kiểm tra các loại giấy tờ cần thiết phục vụ chạy tàu			
		3. Báo cáo tình trạng đoàn tàu			
		4. Xác nhận các cảnh báo			
		5. Hô đáp khi:			
		a) Xuất phát			
		b) Chiều hướng ghi			
		c) Đường cong, điểm hạn chế tốc độ			
d) Xác nhận tín hiệu					
2	Kỹ năng đo khoảng cách bằng mắt (100 điểm)	1. Đo cự ly trung bình			
		2. Đo cự ly dài			
3	Kỹ năng dừng tàu (100 điểm)	1. Vị trí dừng tàu 1:.....			
		2. Vị trí dừng tàu 2:.....			
		3. Vị trí dừng tàu			
4	Kỹ năng lái tàu (100 điểm)	1. Thời gian chạy tàu			
		a) Ga thứ nhất			
		b) Ga thứ hai			
		c) Ga thứ			
		2. Kỹ năng sử dụng tay ga			
3. Kỹ năng kiểm soát tốc độ					
5	Kỹ năng sử dụng thiết bị phanh hãm tự động (100 điểm)	1. Mức độ rung động			
		a) Độ rung động ga 1			
		b) Độ rung động ga 2			
		c) Độ rung động ga ...			
2. Thao tác hãm không phù hợp					

6	Các lỗi bị dùng sát hạch	(Ghi rõ lỗi vi phạm)

Tổng điểm :điểm.

Kết quả:

Đạt

Không đạt

THÍ SINH
(Ký, ghi rõ họ tên)

TỔ TRƯỞNG SÁT HẠCH
(Ký, ghi rõ họ tên)

CÁC SÁT HẠCH VIÊN
(Ký, ghi rõ họ tên)

www.LuatVietnam.vn